

(...) Xuất hiện trên đàn văn vào cuối thập niên 30 và đầu 40, Nguyễn Tuân đã khẳng định ngay lập tức tên tuổi của mình một văn phẩm gần như thấu tóm và kết tinh mọi tinh hoa làm nên sự hoàn thiện và hoàn mỹ của một phong cách viết: *Vang bóng một thời*(1). Đó là tác phẩm hiếm có sự sống của một thế kỷ, những điểm rất nhũu và có thể là nhũu nhũt nhũng bình; những cái đây tôi chỉ muốn nói hai những xét theo tôi là có giá trị tiên tri.

Một là của Thạch Lam – những cái có cùng năm sinh với Nguyễn Tuân: “Trong cái vẻ vàng, cái cuối thế của những tác phẩm xuất bản gần đây, những sự phẩm đã hình thành những xu hướng mới giá trị của một sự đua đòi, những cái ta lấy làm sung sướng khi thấy một nhà văn kính trọng và yêu mến cái đẹp, coi công việc sáng tạo là công việc quý báu và thiêng liêng” (2). Và hai là Vũ Ngọc Phan – tác giả bộ sách

Nhà văn hiện đại

: “Chỉ những cái suy xét đến Nguyễn Tuân mới thấy thú vị, vì văn Nguyễn Tuân không phải những cái nông nổi thô thiển. Một ngày không xa, khi mà văn chương Việt Nam được những cái Việt Nam ham chuộng hơn bây giờ, tôi dám chắc những văn phẩm của Nguyễn Tuân sẽ còn có một địa vị xứng đáng hơn nữa”

(3)

Vậy là Nguyễn Tuân, khi trích bộ tên mình vào cuối của những những phẩm đã làm một cuộc kén chọn để lo ngại - một là những *những cái viết của tôi*, hai là những *những cái nông nổi...* Một cuộc kén chọn ráo riết ngay tại

Vang bóng một thời

, và ông sẽ trung thành với nó cho đến sự kết thúc.

Kể từ *Vang bóng một thời*, cùng với những tên sách gần với tên Nguyễn Tuân trích 1945 như

Nguyễn đến đầu cuối

(1939),

Nhà bác Nguyễn

(1940),

Một chuyến đi

(1941),

Chức vụ của một người

(1941),

Tàn đến đầu cuối

(1941),

Tùy bút I

(1941),

Tùy bút II

(1943),

Tóc chèo Hoài

(1943),

Thì u quê hẻo lánh

(1940-1943)... đã cho ta thấy sự trăn trở và trung thành của một cây bút với chính bản ngã và bản lĩnh của mình, trên tất cả mọi phương diện của sáng tạo văn chương, trong bối cảnh nhứt thống nhất đang chuyển dần vào đêm sâu tăm tối cách mạng của dân tộc.

Nếu hiểu sự hiểu nhau của một đời người là gồm hai chiều dọc ngang, lịch sử và đời sống thì Nguyễn Xuân là người dốt nát và quyệt liệt nhất trong số đời này. Đó, một đời sống khi nào cho vẫn phạm của ông làm nên hai mảng màu sắc trong đời sống văn chương 1940-1945. Một là sự *hoài cổ*, trăn trở với quá khứ, đi tìm những "vang bóng" của "mặt trời" xưa, tuy chưa thấy xa nhưng đã phớt lờ sự vắng mặt của hoài niệm; và một là sự *xê dịch* trong không gian, qua các chuyến đi, nhằm tìm những miền đất mới để thoát cuộc sống đày đọa, nhàm chán, lười biếng... Cả hai chiều đời sống của Nguyễn Xuân những trang kí thác, xét về nghệ thuật ngôn từ và cách miêu tả; và với mảng viết hiện tại - đó không phải là những khám phá tinh tế, tỉ mỉ mà còn là một niềm yêu mến đời thành kính những gì gần bó sâu xa với hồn cốt và tinh hoa dân tộc mà ông mượn lời người khác một bầu vút trong di sản tinh thần của ông cha, trong những phương diện những gì là tầm thường, vô vị, ô trọc nhan nhản vấy bẩn trong đời sống nhân tính.

Còn *xê dịch*? Chọn câu của Paul Morand làm đề tài cho *Thì u quê hẻo lánh*: "Ta mượn sau khi ta chết, có người thu cưa ta làm chi cưa ly", Nguyễn Xuân dốt nát khờ khạo đời: "Đời sống và phương diện đời sống một người lý sự hoàn toàn phát triển giác quan của mình làm lịch sử chính cuộc sống" thì "không gì thì thời buổi trung thành với mặt chữ". Ở đây, cái người sống phát triển mặt giác quan cho một người bình thường, nhất là một nhà văn thì có gì nên nói, nếu không nói là chính đáng. Thế những trong một cuộc sống tù túng, ngột ngạt như cuộc sống đang vây quanh Nguyễn thì đâu phải riêng giác quan mà gần như là toàn bộ cuộc sống của anh, từ hình hài vút chớt đời ý thức, tinh thần, cũng sự bệ thui chết, đời thành những kiếp "chết mòn" hoặc "sống mòn" như phát hiện của Nam Cao. Vậy là sự thêm đi của Nguyễn rút lui khỏi là một phần sống đời với một cuộc sống không có sinh thú; còn việc có đi đâu hay không đi là chuyện khác; nếu ta biết rằng trước đời quen thuộc của Nguyễn chỉ là khu vực Hà Nội – Thanh Hóa, hoặc Hà Nội – Sài Gòn; không kể một tuần 20 phút trên sang Bangkok theo đường qua Lào rồi bị giam giữ ở quê bằng đường biển, và một lần sang Hồng Kông với một vài chuyến, như chèn nhấc của một thân phận tha hương.

Hoài cổ và *xê dịch*, ngay từ khi xuất hiện, Nguyễn Xuân đã tạo nên một thế giới riêng và khác biệt trong làng văn; sau 1945, đời với giọng phê bình mạt xít, nó là biểu tượng của sự thoát ly gần với một tiêu chuẩn của trào lưu lãng mạn. Còn bây giờ, khi đất nước tiến hành công cuộc đổi

mũi và hời nhẹp thì nó lại là hời n tống thu n chi u v i nhu c u phát tri n c a con ng i và xã h i. T t c nh ng g ì đ n trong hoài ni m c a Nguyễn Xuân là hoàn toàn khác v i s nh m nhoam, c u th , b i b m trong cách th c khô i ph c đ c các th l h i nh th i b y gi . Còn đi – b y gi ai mà không khao khát đi; và c th gi i không n i nào mà không chăm lo chu đáo cho s đón ti p các khách đi – b i nó là khu v c kinh doanh không khó, thu đ c nhi u lãi nh t.

C n ph i k thêm, tr c 1945, Nguyễn Xuân còn là cây bút vi t nhi u và k nh t v đ i s ng tr y l c – g m nh ng thu c phi n và cô đ u, nh trong *Ng n đ n đ u l c, Tàn đ n l u l cvà* nhi u tùy bút có nhân v t trung tâm ho c duy nh t là Nguyễn Xuân. Đây là m ng vi t góp ph n t o nên đ c s c tính cách và phong cách Nguyễn Xuân – con m t nhà Nho th t th , nh là m t cách ph n ng đ thoát ra kh i th gi i tù túng bao b c quanh mình, trong t cách m t phá gia chi t , m t k không b l b t c c h i nào cho m t s phá phách trong tâm th b t an. Ch n chính cái tôi c a mình đ kh o sát và ph b y, ta có th nh n ra hai ph ng di n *n n nhân*

và

t i nhân

c a m t th h thanh niên trí th c trong xã h i thu c đ a đang đi đ n t n cùng nh ng ngày tàn c a nó. Không thi v hóa, cũng không t x v ho c h nh c b n thân mình, Nguyễn Xuân ch mu n là s “chép l i” “m t th i k kh ng ho ng tâm th n” và m t ít tâm tr ng c a mình “trong nh ng ngày phóng túng hình hài”

(4)

.

V i kh i đ u r t n t ng là *Vang bóng m t th i*, Nguyễn Xuân đ n v i Cách m ng tháng Tám b ng s t n l c s ng v i th i cu c, v i s s ng đ ng đ i, nh n ti n. y là m t thay đ i l n trong c m quan và nh n gi i c a m t ng i t ng ch tr ng quay l ng v i cu c s ng, và trong ý th c phá phách chính s s ng c a b n thân mình. Gi đây, Nguyễn Xuân, có l là ng i s m nh t, và h h i nh t đ n v i cách m ng; b i, chính v i cách m ng, Nguyễn Xuân m i có th h a h n t b tri t đ con ng i cũ c a mình: “Cái gi nghiêm tr ng c a mà đang đi m... b y gi ho c không bao gi n a. Mà ph i c ng quy t l y mà ra làm l a mà đ t cháy h t nh ng phong c nh cũ c a tâm t ng mà” (*Vô đ , 1945*).

Và h m h xu ng đ ng: “Mê say v i ánh sáng tr ng v a đ c gi i phóng tôi đã là m t đ l khách không m i, quên ng c a m t đ m phong h i m i”. Tr c đây, đ u ch tr ng xê d ch, nh ng Nguyễn Xuân đ c đ c cái vui đi cùng dòng ng i. Còn b y gi , ch đ n b y gi , Nguyễn Xuân m i đ c s ng nh ng phút giây sung s ng và c m đ ng: “Chúng tôi đã ôm l y nhau và m ng ra n c m t nh hai con b nh già m i u ng li u thu c c i lão hoàn đ ng” (

Ngày đ y tu i tôi cách m ng

).

V y là, v i Nguyễn Xuân, đã ch n ngh vi t, ông đã không ng ng vi t b t c lúc nào, đ u v i

bút của chúng tôi đâu có phải là "long trọng" như Cách mạng tháng Tám đã không thể khi nào ông Nguyễn Văn Đức (như nhiều người khác), trái lại càng kích thích ông viết. Bởi lẽ ông, sau cuốn "không học tâm thần" và cách sống "phóng túng hình hài", ông đã tìm ra được lối thoát cho mình, trong một cuộc giải phóng lòng của dân tộc, như là một thời kỳ có một, để làm thay đổi ông, không chỉ trong tư cách một công dân mà cả trong tư cách nghệ sĩ - người viết có lúc đã từng có thể chết đi để cứu ai đó trước đi quyên viết của mình (5). Chọn tên *Cuộc đi* cho một văn học của ông viết cho báo *Thị u sinh* - số Xuân của năm 1946 với nội dung: "Cuộc này nhằm vào văn nghệ. Tính được thì chưa biết như ý muốn. Đem giả ra gần gũi nhưng biên chép trên giấy thì không thể gió mùa nào của cuộc đời làm phai bút mực. Thời nhân gọi là Cuộc đi theo. Nhật danh của là Hy văn nghệ", tác giả *Thị u quê hương*

đã dứt khoát một thái độ không để cho hi vọng và niềm tin lạc lõng lại của dân tộc mà bản thân mình là một thành viên, chứ không còn là một đứa con rơi lạc loài, hoặc hèn.

Tháng Tám – mùa thu cũng đã vào văn Nguyễn Xuân trong văn ông về cái đẹp của mùa: "Chưa có thu nào mà mây mùa khói mùa đẹp đẹp như mây khói mùa này. Sớm cũng như hôm, buồn chi đâu tám hàng chân giấy Việt Nam nên buồn lên như hình mây khói mờ nhạt và như sương của mây ông về" (*Ngày đi với tôi cách mạng*).

Với *Cuộc đi*, cùng những trang viết ngay trong những ngày của những khi nghĩa Nguyễn Xuân thực đã hết mình, và trung thực tuyệt đối với mình trong một cuộc "lột xác" (chứ đừng của ông), và trong cái quy tắc tâm "tự đào thải hết mọi cái nhân trong lòng mình". Chính với ý nguyện như thế ông đã sống một cách mới, và cách mới đã sống đón ông – người đi đây sống không ngừng đi lên trên khu Việt Bắc, viết những trang mới những tình người trong *Đường vui, Tình chi* mới

...; và vui vẻ đem những trách nhiệm ký trước tiên của Hội văn nghệ Việt Nam vào một thành lập vào cuối năm 1948, cùng cấp phó ông là Tô Hữu.

Nếu Cách mạng tháng Tám đánh thức tình yêu nước và khát vọng đẹp do của Nguyễn Xuân, đưa Nguyễn Xuân vào đời ngũ hàng đầu những người viết sống trong ý thức công dân, và với niềm tin hào có một Tổ quốc gần với Sông và Núi, với Đường, với một Em bé gái và Quyên Sơn Việt Nam, và nhất là với *Cuộc đi* do Trần Cách mạng (6) mang đến, để cho ông ngừng viết và ca ngợi thì cuộc kháng chiến của toàn dân tộc ngay sau đó lại đưa ông vào cuộc sống lao động của quần chúng – những người trẻ tuổi ông là hoàn toàn xa lạ. Đó là những con người bình thường như thế, những người làm nên lúa khoai và bây giờ đang cầm súng; chính họ, chứ không phải là những ai khác đã làm nên những điều kỳ diệu ra quanh ông. Trên đường lên Việt Bắc đầu 1949, ông ghi: "Trông Dakota và Junker tiếp của nó hèn hèn trong mùa sống của ngày mùa lũ mình thấy y khoái trong lòng, một điều thú vị có đến với mình

trên nhàn nhàn con đường yên tĩnh nhàn nhàn sáng mờ mờ". Gặp mặt đêm và buổi tối trong đêm, không rõ mặt, chỉ là nhàn nhàn bóng đen, nhàn nhàn làm ông "mở lòng ngang với nhàn nhàn chầm chậm a c a l p Bình dân học vụ buổi tối trong rừng sâu" (

Lời ngỏ

).

Giờ đây niềm sung sướng và hạnh phúc của Nguyễn Xuân là được sống như mọi người, là được bước vào dòng người: "Tôi thành ra cán bộ dân vận. Ngoài giờ công tác ở đơn vị, tôi xách cái túi gai chày đi các nhà, người góp chuyện bên bếp lửa, tôi nói tiếng địa phương. Tôi thấy tôi trở nên thân mật với người xóm bên như là đã quen biết từ lâu lắm. Rồi nó thành hạnh phúc ngọt ngào" (*Tình chiến đấu*).

Quý nhàn nhàn "nhàn nhàn" mọi người gặp mặt người như Nguyễn Xuân ta càng quý sống cách hóa cách mạng, càng quý nhàn nhàn quan hệ mọi người và cái ý nghĩa cao đẹp của đời sống tinh thần mà cách mạng đã đem lại cho mọi người.

Nhàn nhàn không phải chỉ có sự đổi thay trong cái tôi. Trước năm 1945 Nguyễn Xuân xác nhận: "Lòng kiên cường của ta xui ta chớ nên chớ có mặt mũi đả kích" (*Nhà Nguyễn*). Tôi hiểu "đả kích" ở đây là tùy bút nhàn nhàn "đả kích" của Nguyễn Xuân; mặc dù sự thật là ông đã viết nhiều thơ lo – gồm cả phóng sự, du ký, truyện ngắn và dài. Còn bây giờ, cũng là lần đầu tiên Nguyễn Xuân thấy sự gò bó của tùy bút, khi sự kiên cường không còn là cần thiết nữa. Trong Hội nghị tranh luận văn nghệ năm 1949, Nguyễn Xuân phát biểu: "Bây giờ là thời kỳ viết tiểu thuyết, đừng viết tùy theo bút nữa. Viết tiểu thuyết cho con người nói lên được"

(7)

Thật nhàn nhàn đâu cần đến tiểu thuyết - việc đó đã có rất nhiều người làm, mà vẫn chỉ với tùy bút, ông vẫn là người đi đường hành cùng cách mạng; hơn thế, còn là người có chung nhàn nhàn lo và nghĩ với cách mạng. Hội kháng chiến, với việc đổi sang hòa bình, Nguyễn Xuân đã có nhiều lúc loay hoay, và hoang mang trong nhàn nhàn biến đổi của thời cuộc, diễn ra liên tiếp từ sau Chiến thắng Biên giới 1950 cho đến năm sau thập niên 50 – qua các sự kiện như Cách mạng đất và Sàigai sai; Hiệp định Genève với Đông Dương 1954 và ký kết đã bỏ Miền Đệ nhất; nhàn nhàn biến đổi trên trường quốc tế làm lung lay sự bền vững của phe xã hội chủ nghĩa; cùng các vấn đề/ việc trong đời sống chính trị và văn nghệ như Chủ nghĩa nhân văn, Nhân văn – Giai cấp... mà ông cùng mặt sự bền vững "cây đa cây đề" như Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hoàng, Tô Hoài đều bắt đầu ít nhiều.

Như là và suy nghĩ về một thời như thế - đó là vì chúng ta cũng cần phải làm, nó nằm trong một bối cảnh như thế này, đó là cuộc đấu tranh dân tộc như một giai cấp và một quốc gia, và cuộc đấu tranh giai cấp để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh một thế giới chia làm hai phe, mà một chút hoài nghi, một số chấp nhận, lập luận và giải pháp để duy trì phía kẻ thù. Trong khi bên cạnh của người trí thức là phải nghĩ, là đấu tranh, là chấp hành đúng theo lòng tin của chính mình. Và Nguyễn Xuân, chính là hiện tượng có ý nghĩa điển hình cho giới trí thức chân chính, luôn trung thành không hề dẫu mình, luôn đứng cùng một nói lên chính kiến, trong những tình thế phải giải quyết hai phía để duy trì chân lý, nó là ra hoặc phải là sự gặp gỡ giữa các quan và khách quan trong tính thuyết phục của nó, chứ không phải là áp đặt hoặc răn đe.

Đây là thời kỳ Nguyễn Xuân viết những bài thơ như *Phố* (1956), *Cây Hà Nội* (1956), *Độc Sêkhov* (1957) và *Trên lối đi* tập chí

Học tập
(1957)... Và sau đó là
Tên hoa
(1966),
Tình riêng
(1968) và
Giờ là

(1973)... những bài gây tai tiếng cho ông; những chủ ngữ 20 năm sau trở đi, lối trữ tình giá trị của một cách nghĩ, cách viết đúng cảm, trung thực và tiên tri, cùng với giá trị văn chương của nó.

Chẳng những sau 1960 cho đến khi Nguyễn Xuân qua đời, năm 1987 vẫn là một hành trình liên tục, không ngừng nghỉ, không ngừng mở rộng, không dứt quãng trên hai trục Đi và Viết, với khối lượng là *Sông Đà* (1960).

Nếu có một nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vào nửa sau thế kỷ XX, và nếu nền văn học đó có những thành tựu đáng ghi nhận thì theo tôi là vào nửa đầu thế kỷ 60, sau Địch và Địch trong thế III với bối cảnh giao hòa giữa quốc gia và chủ nghĩa xã hội – “đồng lòng lên như nh phúc riêng thành thành”⁽⁸⁾. *Sông Đà* góp một giai điệu vào âm áp và hào sảng đó vào một thời kỳ khó quên trong lịch sử văn học thế kỷ XX – thời kỳ, với những câu thơ có cánh trong *Bài ca mùa xuân 1961*, *Ánh sáng và phù sa*, *Riêng chung*, *Trên lối đi ngày là sáng*

; thời kỳ của những bài thơ như *Thiên nhiên*
Sóng gợn, *Vết b*, *Sống mãi với thời đô*
; thời kỳ của những áng văn giàu chất trữ tình và chất thơ như
Mùa là, *Rào cao*, *Trắng sáng*, *Còn non*
... Và
Sông Đà

, trớ c hớt đó là v đò p c a thiên nhiên qua m t bút pháp r t t o hình: “Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như m t áng tóc trẻ tình, đ u tóc, chân tóc n hi n trong mây trẻ Tây B c bung n hoa ban hoa g o tháng hai và cu n cu n mù khói núi Mèo đ t n ng xuân”; đ làm nên m t n t nh n đ c s c trên c hai chi u hi n t i và quá kh c a m t dân t c đang hào h ng đi vào m t s nghi p đ ng xây, sau m t l ch s có quá nhi u hy sinh, nh c nh n, gian kh ... Trên hành trình ng c Tây B c l n này, Nguyễn Xuân không còn là m t l khách ham vui, mà t nh n mình là m t ng i đi tìm vàng, tìm “cái th vàng m i mang s n trong tâm trí t t c nh ng con ng i ngày nay đang nhi t tình g n bó v i công cu c xây đ ng cho Tây B c thêm sáng s a, t i vui và v ng b n”.

Nh v y là qua Sông Đà, t Sông Đà, Nguyễn Xuân đang có m t đà say v cu c s ng m i.

Nh ng r i ch vài năm sau, t tháng 8-1964, mi n B c và c n c b c vào cu c kháng chi n l n th 2 ch ng M . Sau sông Đà – Tây B c, t đây Nguyễn Xuân s n ng đ n v i sông tuy n – Hi n L ng, nh m t l i dao x đôi đ t n c, đ vi t *Đò tuy n, Xuân l a trên dòng Gianh và sông tuy n, Ch đ u c u đó – ch b sông đó – ch bãi cát đó*

... Và n i đau đ t n c b x đôi này, cùng v i cái nguyên c khi n c dân t c ph i nh t t vào tr n đã đ ng vào m t khu v c nh y c m nh t trong h giao c m Nguyễn Xuân, đ t đó kh i ngu n m t giọng vi t m i – đó là Hà N i hào hoa, Hà N i thiêng liêng, Hà N i hiên ngang đánh tr k thù; là chân dung k thù m i không ch trên m t n a đ t n c phía Nam mà còn là c b u tr i mi n B c trong t p ký

Hà N i ta đánh M g i

(1972-1984). M t t p ký, th t đ c s c trong cách soi đi soi l i chân dung k thù m i, không ph i ch c a m t nhà văn r t giàu ý th c dân t c, mà còn là m t nhà văn hóa mang l ng tâm th i đ i: “Bi n c c a l ch s đã đ t chúng tôi ph i đ ng đ đ ng đ u s ng mái v i b n hi u chi n Hoa K thì dĩ nhiên chúng tôi cũng ph i tìm hi u Hoa K v m i m t, b ng m i cách, và b ng m i đi u ki n có th c a mình. L c l ng võ trang c n c tôi tìm hi u v cách đánh c a quân đ i M . Và nh ng ng i nh chúng tôi tìm hi u v cách nghĩ Hoa K đ mà cũng đánh M , đánh cho ch t t i đi cái cách nghĩ ph n khoa h c và tr ch th ng đó c a b n phát xít Hoa K h m hĩnh v sủng đ n và tính du côn l ng hi m” (

G i m t nhà văn M th t s yêu t do và hòa bình

).

N u có cái g i là “th đ ng trên đ u thù” thì ch c ch n cũng nh T H u, Ch Lan Viên trong th , Nguyễn Xuân là ng i chi m v trí s 1 trong văn xuôi.

Nguyễn đã vi t r t s ng khoái nh ng áng văn v a là tùy bút v a là chính lu n, v i r t nhi u

âm hưởng và giọng điệu qua những cái tên bài thơ là đức đáo: *Hà Nội đi từ Miền qua phố Hà Nội, Cho gió bay Miền nó ăn mất cái tết ta, Có ba phi công Miền đi bôn trong chèo hoa súng tán, Bên súng Hà Nội, mất đám còi phòng không, Cánh B52 rùng rợn xuống miền hoa Hà Nội, Hà Nội ta yêu mà đã mất năm chiến thắng B52, Đi cùng tôi toàn cõi ta đây coi như sách hèn bóng nó, Đêm xuân năm H nay nếm ngấm thêm vài bữa hè Miền*

. Quê là ý thức dân tộc luôn luôn là mất giọng chèo y thơ đằm trong văn Nguyễn Xuân, kể từ *Vang bóng mất thớt, Thiêu quế*

hương

... cho đến

Hà Nội ta đánh Miền gió

. Cùng trên mất giọng chèo, nếu đi đứng ngủ là mất tâm trạng y m thơ, vài giọng văn hoài nghi, khinh bỉ thì đến vài hồi là mất lòng tin hào sảng vào tương lai và thơ đằm cựa dân tộc.

50 năm viết - thi điếm 100 năm ngày sinh hôm nay nhìn lại, Nguyễn Xuân què đã điếm điếm mất dẫu nhìn thấy sâu đằm trên hành trình văn học hiện đại. Rồi rồi ngay từ khi xuất hiện; không ngừng ngừng trên mất hành trình viết qua hai chặng trước và sau 1945 – chặng nào cũng là sự trung thực tuyệt đối với bản thân mình trong tất cả cách mất nghề sĩ công nông t. Ở tuổi 77, do con tìm trộm chèo, ông phẫn vào bản nh viết, những vần mang theo sách đức đức cùng là tiếp chuyển và thơ từ vài bản bè; nếu không đi mất đi ngay có lẽ ông sẽ viết xong hai tùy bút còn trong đống nh - mất là viết hiện thực trong *Liêu trai*, và hai là hiện thực xã Ba Vì phẫn đi trong khi con trộm cắp thiêu dinh dưỡng trộm trộm - mất tùy bút hèn không khác mấy

Tình rưng

... Mất nghề viết trong ý nghĩa đích thực và cao quý của nó. Mất nghề viết của nghề viết mất quan niệm rứt chốt chốt, nghiêm chỉnh, cần trộm nghề. Đó là nghề viết, trong sự tận tụy hết mình, đức của mình – đức đến với cái đò p, đúng như mất quan niệm văn chèo nghề của Hoài Thanh: “Tìm cái đò p trong tự nhiên là nghề thuốt. Tìm cái đò p trong nghề thuốt là phê bình”

(9)

. Dĩ nhiên đây là cái đò p trong quan niệm của một học, chứ không phải là bất cứ lĩnh vực nào khác, như chính trị, học luân lý, đạo đức; và dĩ nhiên là muộn thì cái đò p thì phải lo bị cái xô u, cũng như cái ác, cái bất công; và với Nguyễn Xuân trước 1945 thì đó là bản nghề viết tài, mà hình hính viết tiến của, quyển lóc; là đám “con buôn quen sảng với đò thơ hàng hè và buôn Tồn, bán S”. Còn sau 1945 thì đó là thói giếm đi, như nhót và cựa hời – không xô ng viết mất cu c sảng trong sách và đò p như ông từng thơ y và ao lóc. Thòm ghét sự giếm đi, bởi ông là nghề viết trung thực; ghét thói như nhót và cựa hời, bởi ông là nghề viết ngay thơ ng. Thơ t và thơ ng – đó là phong cách sảng và viết của Nguyễn Xuân.

Không kể, vài thơ điếm lập triết đức với cái thiển, cái đò p đó là kẻ thù của dân tộc, mà trên thơ đằm cựa nghề viết quyết thơ ng, ông đã rứt thơ a thuê trút hết nh nghề khinh bỉ và phẫn n.

Đam mê và sảng chốt với nghề - đó là nét chung của rứt nhieu nghề viết chốt chốt, chốt

không riêng Nguyễn Xuân. Nhưng với Nguyễn Xuân, đây mới thật là riêng, sáng tạo văn chương phải là một nghệ sĩ sang trọng. Xem cách Nguyễn Xuân ngồi với văn chương, trên tiếng quyên, tiếng bài, tiếng câu, tiếng chữ, tiếng dẫu chằm dẫu phẩy, viết hoa hoặc xuống giọng... mới thấy nghệ sĩ vẫn là một công phu nghệ thuật nào. Tuy nhiên không một thô vụng. Tuy nhiên không một sự suýt soát hoặc cẩu thả. Bởi khi đã đứng với cách nghĩ văn chương là nghệ thuật ngôn từ thì ngôn từ phải cùng lúc đảm nhiệm cả hai trọng trách, hoặc một trọng trách kép – thì cũng thế: một – đó là tinh hoa tiếng Việt của cha ông và hai là bản sắc riêng của cá nhân mình. Một ngôn ngữ rất Việt Nam và rất Nguyễn Xuân, đó là cái đích cao nhất mà Nguyễn Xuân đã đứng đầu, ngay từ những tác phẩm đầu tay cho đến trang viết cuối cùng.

Nhưng vậy là, sau tất cả những gì đã được nói đến mà tôi là người đi trung thành với Nguyễn Xuân nhiều chục năm qua đã quá thu cúc và thấy không còn phải nhắc lại bài này, hôm nay tôi chỉ muốn tìm đến Nguyễn Xuân như là người của nghệ thuật; và là người của chữ - tiếng Việt. Được bắt gặp trang văn nào của Nguyễn Xuân ta cũng được chiêm ngưỡng một cách thật hấp thụ cái giàu có, sinh sôi, sống động, và cái sắc diện, biểu đạt thật là tuyệt vời của câu văn ta trên tất cả các phương diện của màu sắc, âm thanh, hình khối của chữ và nghĩa. Ngôn ngữ Nguyễn Xuân đó là một ngôn ngữ có hình, có khối, có nhấc, và dường như nhiên là có hồn - cái hồn được truyền lại từ cha ông và cái hồn của người viết phả vào, bởi tài năng vốn sẵn, khai thác hết công suất của nó. Người viết *Vết tiếng ta, Tồn mãi chung quanh một áng Kịch u, Băm sáu cái nồn nồn ng Xuân* *Hết ng...*, cũng như Xuân Diệu là người gõ những mê đắm những thuở Việt, tức là những tồn tại sống sống lam lũ, vượt qua hàng nghìn năm dựng xây và gìn giữ đất nước của cha ông. Với Nguyễn Xuân mới chỉ chữ, mới câu là một cân nhắc, một chôn lặt, dường như có ai nghĩ là phải thêm hoặc bớt, phải đổi thay hoặc cắt bớt. Bởi với ông, hiểu như R. Barthes (1915-1980) chỉ được xem là nhà văn, những người có những công trau dồi ngôn từ, chú ý tạo ra văn phong, và làm nên một ngôn ngữ riêng biệt của mình, khác với những người viết thông thường xem chữ viết chỉ là phương tiện để diễn đạt các hành vi, ý tưởng. Nhưng vậy nếu ta tin số đánh giá của Hoài Thanh đối với các tác gia Thế mới: “Họ đã đến tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt” đó thì nên “một thế giới trong thi ca” Việt Nam, thì ta sẽ hiểu và tin Nguyễn Xuân khi ông khẳng định: “Về những vấn đề lớn thu cúc với vấn đề nhân dân tộc, tôi nghĩ rằng cái biểu hiện yêu nước của tôi, tôi, tôi chỉ xin khùng nó gõ vào vấn đề xây dựng tiếng nói”

(10)

. Nhưng mình là một người lao động, như bất cứ nghề lao động nào khác, trong các bản khai về nghề nghiệp, thay vì

Nhà văn

, hoặc

Người viết văn

, ông ghi:

Chuyên viên tiếng Việt

.

Chuyên viên tiếng Việt – mà tôi muốn gọi một cách quen thuộc là *nghệ thuật*, với phương tiện

duy nhất là tiếng nói và chữ.

Chín năm 1910 mà ra đời, đến 100 năm sinh của mình đúng vào dịp đời 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, Nguyễn Xuân quê ở Mộc – Nhân Mộc, xã Nhân Chính huyện Từ Liêm (nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân), sinh ở Hàng Bạc đã học ngữ văn ở trường tiểu học và trường trung học và trở lại làm sáng danh cho văn hóa thời đô thị mới của chúng ta bằng những bài viết của ba sáu phần và trở lại làm sáng danh cho văn hóa thời đô thị mới bằng những bài viết của ba sáu phần và trở lại làm sáng danh cho văn hóa thời đô thị mới bằng những bài viết của ba sáu phần. Đó là lòng yêu cái đẹp và khả năng làm giàu cho cái đẹp bằng cách viết những bài viết và hết mình cho ngôn ngữ, khi nào cho bất cứ lúc nào ông cũng nhận được sự kính trọng của mọi thế hệ học trò – đời, nói như Kim Lân, ông là “người sung sướng nhất” (11).

Cách đây 23 năm, trong Điếu văn đức tài Lãng táng Nguyễn Xuân, ngày 28-7-1987, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã nói đến Nguyễn Xuân như là “người đi tìm cái đẹp và cái thật”. Đến dịp kỷ niệm 100 năm sinh Nguyễn Xuân hôm nay, tôi muốn nói một lời khẳng định: Nguyễn Xuân là người đã “đến để viết cái đẹp và cái thật”./.

Chú thích:

(1) *Vang bóng mặt trời* - biên in đầu tiên năm 1940 của NXB. Tân Dân, gồm 11 truyện đã được in trên các báo như *Tiểu thuyết thời kỳ*, *Tao đàn* trước đó. Có thể xem đây là tác phẩm đầu tay của Nguyễn Xuân.

(2) *Ngày nay* số 212; 15-6-1940.

(3) *Nhà văn hiện đại*; Quyển 3; NXB. Tân Dân; 1943.

(4) Bài tựa *Chức năng của nghệ thuật*

(5) *Võng ngô đờng*; *Thanh nghê*; tháng 8 và 9-1944.

(6) Tên các “nhân vật” trong nhà cách mạng *Cố đô*.

(7) *Tập chí Văn nghệ* số tranh luận; 1949.

(8) Một câu trong bài thơ mừng Xuân 1961 của Hồ Chí Minh.

(9) *Tiểu thuyết* thứ bảy, số 35; 26-1-1935.

(10) *Văn nghệ* số 12; 1958.

(11) *Văn nghệ* số 32; 8-8-1987.